|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.*

**Chương 1**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

*Nghị định này quy định về* *các nguyên tắc, nội dung, hình thức và quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.*

***Điều 2. Giải thích từ ngữ***

Trong phạm vi Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác” bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước ở trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”), cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan trung ương của các tổ chức) và các đơn vị, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức này là chủ thể chủ trì thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2. “Cơ quan chủ quản dự án, phi dự án” bao gồm các cơ quan, tổ chức được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

3. “Hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp” bao gồm các hoạt động có sự tham gia hoặc được tài trợ bởi đối tác nước ngoài có toàn bộ hoặc một phần nội dung về pháp luật và cải cách tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và được thực hiện theo hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

4. “Dự án, phi dự án” về pháp luật và cải cách tư pháp bao gồm các chương trình, dự án, phi dự án được cung cấp vốn ODA không hoàn lại hoặc các chương trình, dự án, phi dự án thuộc viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA về pháp luật và cải cách tư pháp có toàn bộ hoặc một phần nội dung về pháp luật và cải cách tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**Điều 3. Nguyên tắc *trong* hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đảm bảo độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

*2. Chủ động đề xuất, thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp phù hợp với nhu cầu của Việt Nam, chủ trương, định hướng của Đảng về đối ngoại, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.*

3. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả, thiết thực và trách nhiệm giải trình trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

4. Thủ trưởng cơ quan nhà nước ở trung ương, cơ quan trung ương của các tổ chức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình theo quy định pháp luật liên quan.

***Điều 4. Áp dụng quy định pháp luật có liên quan***

*1. Việc ký kết, thực hiện điều ước quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế; việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định pháp luật về thỏa thuận quốc tế và quy định của Nghị định này.*

*2. Việc tiếp nhận và thực hiện các dự án, phi dự án để thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và quy định của Nghị định này; việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA để thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và quy định của Nghị định này.*

*3. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định pháp luật về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và quy định của Nghị định này.*

***Điều 5. Nội dung và hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp***

1. Hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bao gồm các hoạt động trong các lĩnh vực sau:

a) Xây dựng pháp luật;

b) Thi hành pháp luật;

c) Chia sẻ, nâng cao kiến thức, năng lực trong lĩnh vực pháp luật;

d) Cải cách tư pháp, bao gồm hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án, bổ trợ tư pháp, đào tạo các chức danh tư pháp và nghề tư pháp.

2. Hình thức hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp:

a) Ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế;

b) Xây dựng và thực hiện các dự án, phi dự án;

c) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn hoặc các khóa bồi dưỡng theo hình thức gặp gỡ trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc theo hình thức trực tuyến với ít nhất một điểm cầu thuộc lãnh thổ Việt Nam (sau đây gọi chung là hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp);

d) Cung cấp chuyên gia pháp luật, văn bản, tài liệu pháp luật.

**Chương II**

**QUẢN LÝ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP**

***Điều 6. Đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp***

Cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác chủ động xây dựng đề xuất hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Mục đích, nội dung hợp tác rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức mình và các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

2. Dự kiến được kết quả cụ thể phù hợp với các nguyên tắc về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp và phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức mình.

3. Đối tác nước ngoài tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp phải có năng lực, chuyên môn phù hợp về nội dung hợp tác;

4. Có phương án, giải pháp đảm bảo các yêu cầu về an ninh trật tự trong trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

***Điều 7. Phê duyệt hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp***

*1. Trước khi ký kết thỏa thuận quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp nhân danh Nhà nước, Chính phủ, cơ quan nhà nước ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của các tổ chức, cơ quan đề xuất ký kết có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an để cho ý kiến về các nội dung theo quy định pháp luật về thỏa thuận quốc tế và các Điều 12, 13 của Nghị định này.*

*2. Trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện dự án, phi dự án hoặc quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án theo thẩm quyền, cơ quan chủ quản dự án, phi dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để cho ý kiến về các nội dung theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn ODA, viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA và các Điều 12, 13 của Nghị định này.*

*3. Trước khi quyết định cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền cho phép tổ chức, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao để cho ý kiến về các nội dung theo quy định pháp luật về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và các Điều 12, 13 của Nghị định này.*

*4. Hồ sơ lấy ý kiến được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và thể hiện rõ sự cần thiết thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp, nội dung hợp tác, hình thức hợp tác, đối tác hợp tác, kết quả dự kiến đạt được, đánh giá việc thực hiện các nguyên tắc nêu tại Điều 3 của Nghị định này và yêu cầu nêu tại Điều 6 Nghị định này.*

*5. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn theo quy định pháp luật hiện hành; nội dung cho ý kiến căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và quy định tại Nghị định này.*

***Điều 8. Thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp***

*Cơ quan, tổ chức thực hiện hợp tác có trách nhiệm triển khai thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp đúng nội dung đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc nêu tại Điều 3 Nghị định này và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện hoạt động theo quy định.*

**Điều 9. Chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp**

1. *Trong vòng 30 ngày* *sau khi kết thúc hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp,* cơ quan nhà nước ở trung ương, cơ quan trung ương của các tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *chủ động* chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo một trong các hình thức sau đây:

a) Đăng tải thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình;

b) In ấn, phát hành các ấn phẩm về kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;

c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp bao gồm các nội dung sau đây:

a) Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài;

b) Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án hợp tác về pháp luật và cải cách tư pháp bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có);

c) Các loại báo cáo, sản phẩm: báo cáo kết thúc dự án, phi dự án; báo cáo/sản phẩm kết quả nghiên cứu; báo cáo kết quả khảo sát; báo cáo kết quả tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài; báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo về pháp luật và cải cách tư pháp, chương trình, tham luận và các tài liệu khác được phát hành tại hội nghị, hội thảo;

d) Thông tin về chuyên gia tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;

đ) Các thông tin khác có liên quan thu được qua hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

3. Việc chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**Điều 10. Chế độ báo cáo**

1. Hàng năm, cơ quan nhà nước ở trung ương, cơ quan trung ương của các tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật *và cải cách tư pháp* thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình đến Bộ Tư pháp trước ngày 30/11 của năm báo cáo.

2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật *và cải cách tư pháp* trong phạm vi cả nước, trình Thủ tướng Chính phủ chậm nhất trước ngày 30/12 của năm báo cáo.

**Điều 11. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện *pháp luật* về hợp tác quốc tế về pháp luật *và cải cách tư pháp***

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện *pháp luật về* hợp tác quốc tế về pháp luật *và cải cách tư pháp* trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Bộ Tư pháp tiến hành kiểm tra định kỳ *hoặc* đột xuất việc thực hiện *pháp luật về* hợp tác quốc tế về pháp luật *và cải cách tư pháp của các cơ quan nhà nước ở trung ương, cơ quan trung ương của các tổ chức.* Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành gồm đại diện Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan khác có liên quan.

3. Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi phát hiện cơ quan, tổ chức có dấu hiệu vi phạm pháp luật *hoặc* theo yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm, cơ quan tiến hành kiểm tra có quyền xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Việc thanh tra thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Chương III**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG QUẢN LÝ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁP LUẬT VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP**

**Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp**

1. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp

a) Chủ trì soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

*b) Cho ý kiến đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế, phê duyệt dự án, phi dự án, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp về các nội dung: tính hợp hiến, hợp pháp; sự phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.*

*c*) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp; chủ trì tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.

đ) Hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trong phạm vi cả nước.

**Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,:

*a) Quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình,* đảm bảo hiệu quả và tiến độ thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp do mình trực tiếp quản lý và thực hiện.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp của cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác trực thuộc mình *và trong lĩnh vực quản lý nhà nước* theo quy định pháp luật có liên quan.

c) Chia sẻ thông tin, kết quả hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Tham gia *ý kiến đối với các hoạt động hợp tác* quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Công an:

*a) Tham gia ý kiến đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế, phê duyệt các dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp về các nội dung: đánh giá tác động và các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự; yêu cầu về bảo vệ an ninh, trật tự đối với nội dung hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp.*

b) *Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội;*

c) Chịu trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động vi phạm pháp luật trong thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;

3. Bộ Ngoại giao:

a) *Chia sẻ kịp thời thông tin về tình hình ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;*

b) Phối hợp theo dõi, hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tại Việt Nam;

c) *Tham gia ý kiến đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp về các nội dung: sự phù hợp với đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đánh giá về các đối tác nước ngoài.*

4. *Bộ Kế hoạch và Đầu tư:*

*a) Hướng dẫn, định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA không hoàn lại và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA trong lĩnh vực pháp luật và cải cách tư pháp;*

*b)* *Tham gia ý kiến đối với việc phê duyệt các dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định pháp luật liên quan.*

5. *Bộ Tài chính:*

*a) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát quản lý tài chính đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp;*

*b)* *Tham gia ý kiến đối với việc phê duyệt các dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA về pháp luật và cải cách tư pháp về nội dung cơ chế tài chính, vốn đối ứng đối với các dự án, phi dự án.*

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tại địa phương, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

*a) Quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình,* đảm bảo hiệu quả và tiến độ thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp do mình trực tiếp quản lý và thực hiện;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan;

c) Tham gia *ý kiến đối với các hoạt động hợp tác* quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp theo quy định;

d) Tổng hợp, chia sẻ và khai thác, sử dụng thông tin hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tại địa phương. Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành gồm đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tiến hành việc kiểm tra hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tại địa phương.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về hợp tác quốc tế về pháp luật.

**Điều 16. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao, - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, - Ngân hàng Chính sách hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, TGĐ Cổng TTĐT, Công báo; - Lưu; VT, … | **TM. CHÍNH PHỦ** |